

Số: 99/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 13 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua đề án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 281/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua đề án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện đề án quy hoạch, UBND tỉnh có

thể điều chỉnh một số chỉ tiêu không làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch. Trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung nghị quyết.

3. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận: ✓

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- VP Quốc hội; VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- UB Tài chính – Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Xây dựng; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- TT HĐND; UBND; UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Trung tâm công báo tỉnh; Chi cục VTLT tỉnh;
- HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Lưu VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



PHỤ LỤC

Nội dung đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
(Kèm theo Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh)

1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch: Thuộc địa giới 06 đơn vị hành chính, gồm: (1) huyện Thuận Châu, (2) thành phố Sơn La, (3) huyện Mai Sơn, (4) huyện Yên Châu, (5) huyện Mộc Châu, (6) huyện Vân Hồ, có tổng diện tích tự nhiên khoảng 6.021,4 km².

- Ranh giới: Phía Tây Bắc: Giáp tỉnh Điện Biên; Phía Đông Nam: Giáp tỉnh Hòa Bình; Phía Đông Bắc: Giáp các huyện Quỳnh Nhai, Mường La, Bắc Yên và Phù Yên; Phía Tây Nam: Giáp biên giới Việt Lào và huyện Sông Mã.

2. Vai trò và vị thế của vùng

- Là vùng phát triển kinh tế (*thương mại, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp*) gắn với tiềm năng, lợi thế của các địa phương dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh.

- Là vùng động lực phát triển kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy kinh tế - xã hội của toàn tỉnh.

- Là vùng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, hỗ trợ, đóng góp vào tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, du lịch của tỉnh nói chung và từng đơn vị hành chính nói riêng.

- Là vùng có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng.

3. Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển

a) Dự báo quy mô dân số

- Đến năm 2030, toàn vùng có dân số khoảng 817,4 nghìn người (*tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2021- 2030 là khoảng 1,425%*), trong đó:

+ Dân số khu vực đô thị: khoảng 278,6 nghìn người; chiếm 34% dân số toàn vùng.

+ Dân số khu vực nông thôn: khoảng 538,8 nghìn người, chiếm 66% dân số toàn vùng.

- Đến năm 2050 dân số toàn vùng khoảng 1,042 triệu người với tốc độ tăng dân số trung bình là khoảng 1,290%.

b) Dự báo quy mô đất đai

- Dự kiến diện tích đất xây dựng đô thị:

+ Đến năm 2025: khoảng 6.000 - 6.500 ha;

+ Đến năm 2030: khoảng 7.500 - 8.000 ha.

- Dự kiến diện tích đất xây dựng khu dân cư nông thôn;

+ Đến năm 2025: khoảng 18.000 ha;

+ Đến năm 2030: khoảng 19.000 ha.

- Dự kiến quy mô đất xây dựng công nghiệp tập trung đến năm 2030: Phát triển khoảng 727,8ha, trong đó có 367 ha diện tích khu công nghiệp, thu hút được khoảng 7,5% lực lượng lao động trong vùng (khoảng 36,5 nghìn người).

4. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Các trục không gian kết nối vùng:

- Hành lang động lực chính là trục Quốc lộ 6 với sự tăng cường của tuyến cao tốc Hòa Bình - Sơn La.

- Các hành lang hỗ trợ phát triển, gồm:

+ Hành lang phía Tây Nam kết nối các khu vực dân cư nông thôn tiếp giáp vùng cao biên giới: QL 16 - ĐT 102 - tuyến nhánh QL 6C - QL 37 - ĐT 113 - ĐT 108, với sự bổ sung của các đường liên xã hiện trạng được nâng cấp.

+ Hành lang phía Đông Bắc kết nối các khu vực dân cư nông thôn tiếp giáp vùng dọc lòng hồ Sông Đà: ĐT 101 - QL 43 - ĐT 104 - ĐT 120 - QL 37- ĐT 110- ĐT 116, với sự bổ sung của các đường liên xã hiện trạng được nâng cấp.

b) Phân vùng phát triển kinh tế:

- Vùng I (vùng đô thị và Quốc lộ 6): Gồm thành phố Sơn La, huyện Thuận Châu và huyện Mai Sơn.

- Vùng II (vùng cao nguyên Mộc Châu và phụ cận): Gồm huyện Mộc Châu, huyện Vân Hồ và huyện Yên Châu.

c) Phân vùng đô thị:

- Hệ thống đô thị động lực, gồm:

+ Thành phố Sơn La: Là trung tâm y tế, giáo dục đào tạo và dịch vụ thương mại cấp vùng Tây Bắc, là trung tâm hành chính- chính trị, kinh tế văn hóa - xã hội của toàn tỉnh Sơn La, là trung tâm của phân vùng đô thị và Quốc lộ 6.

+ Đô thị Mộc Châu: Là đô thị trung tâm của phân vùng cao nguyên Mộc Châu và phụ cận nằm trong vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6.

- Hệ thống đô thị trung tâm huyện, gồm: Thuận Châu, Hát Lót, Yên Châu, Vân Hồ. Trong đó, các đô thị Hát Lót và Vân Hồ là đô thị hỗ trợ trực tiếp cho các đô thị động lực; các đô thị Thuận Châu và Yên Châu là đô thị trung tâm của vành đai nông lâm nghiệp hỗ trợ cho các khu vực động lực.

- Hệ thống các đô thị cấp tiểu vùng huyện đến 2030, gồm: Tông Lạnh, Phiêng Khoài; tầm nhìn đến 2050, gồm: Phông Lái, Co Mạ, Chiềng Mai, Tô Múa và Chiềng Yên.

- Định hướng phát triển đô thị trong thời kỳ quy hoạch:

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Trong vùng có 06 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại II (thành phố Sơn La), 02 đô thị loại IV (Hát Lót, Mộc Châu), 03 đô thị loại

V (Thuận Châu, Yên Châu, Vân Hồ).

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Trong vùng có 08 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại II (thành phố Sơn La), 01 đô thị loại III (Mộc Châu), 02 đô thị loại IV (Thuận Châu, Hát Lót), 04 đô thị loại V (Tông Lạnh, Yên Châu, Phiêng Khoài, Vân Hồ).

d) Phân vùng hệ thống điểm dân cư nông thôn:

Xây dựng các xã thành mô hình nông thôn mới, hình thành các vùng chuyên canh lớn. Xây dựng hình thái cụm - điểm dân cư tại trung tâm xã, tuyến dân cư dọc đường giao thông, sông, suối chính. Cải tạo và xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo xu hướng tiếp cận nếp sống đô thị.

đ) Phân vùng phát triển công nghiệp:

Hệ thống công nghiệp trong vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6, gồm: 02 khu công nghiệp (Mai Sơn, Vân Hồ) và 11 cụm công nghiệp (gồm: CCN Tông Cọ, CCN Phòng Lái, CCN Hua La, CCN Chiềng Mung, CCN Nà Bó, CCN Cò Nòi 1, CCN Viêng Lán, CCN Phiêng Khoài, CCN Bó Bun, CCN Song Khủa, CCN Lóng Luông).

e) Phân bố các vùng du lịch:

Định hướng gồm: Khu du lịch quốc gia Mộc Châu (đến năm 2025); Khu du lịch quốc gia vùng lòng hồ Thủy điện Sơn La (đến năm 2030); phát triển các cụm du lịch tại thành phố Sơn La và phụ cận, các cụm du lịch tại huyện Thuận Châu và huyện Yên Châu.

g) Phân bố vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản:

- Đến năm 2030, nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong vùng dọc Quốc lộ 6, cung cấp nguồn nhân lực, vùng sản phẩm và vùng nguyên liệu nông lâm thủy sản, góp phần tích cực phát triển sinh thái nông lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch.

- Triển khai các chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh chủ trương tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn, phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

h) Phân bố hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội:

- Phân bố hệ thống giáo dục và đào tạo vùng: Từng bước xây dựng hoàn chỉnh trường Đại học Tây Bắc và các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trường nội trú. Nâng cấp, mở rộng các trường trung học phổ thông tại các huyện, thành phố.

- Phân bố hệ thống y tế vùng: Đến năm 2025, khởi công xây dựng bệnh viện huyện Vân Hồ với quy mô 150 giường. Đến năm 2030, bổ sung thêm khoảng 710 giường bệnh cho hệ thống y tế tuyến huyện. Nâng cấp và xây mới các trạm y tế xã, thị trấn.

- Phân bố hệ thống văn hóa, thể dục thể thao vùng: Nâng cấp bổ sung các trung tâm văn hóa, đài truyền thanh, thư viện, nhà truyền thống, trung tâm thể dục thể thao cấp huyện. Nâng cấp và xây dựng mới các thiết chế văn hóa – thể thao cấp cơ sở.

- Phân bố hệ thống dịch vụ thương mại: Xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng, các siêu thị. Nâng cấp hệ thống chợ trung tâm hiện hữu. Từng bước đưa hệ thống phân phối hiện đại vào các chợ, khu thương mại.

5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

a) Khu vực đô thị:

+ Cao độ không chế nền xây dựng của các đô thị phải đảm bảo đô thị không bị ngập lụt, ảnh hưởng của triều cường, tránh đào đắp nhiều và tạo điều kiện thoát nước tốt cho đô thị.

+ Thoát nước mưa: Hệ thống tiêu thủy của vùng dọc Quốc lộ 6 theo Sông Đà, hệ thống chi lưu của Sông Đà và hệ thống chi lưu của Sông Mã. Các khu vực xây dựng tùy theo điều kiện địa hình để lựa chọn hướng tiêu thủy hợp lý.

b) Các điểm dân cư nông thôn: Khu vực có địa hình thấp cần phải tôn nền vượt lũ kết hợp đê bao, nhưng chủ yếu là san đắp cục bộ khu vực xây dựng. Đối với khu vực có địa hình cao không bị ngập lụt chỉ san đắp tạo hướng dốc thoát nước, cân bằng đào đắp tại chỗ.

5.2. Giao thông

a) Đường bộ:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường Quốc lộ 6 (kết nối với các tỉnh Điện Biên, Hòa Bình), Quốc lộ 6B, 6C và các tuyến Quốc lộ 37, 43, 4G, 279D, 16;

+ Đường cao tốc Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên.

- Đường tỉnh (ĐT):

+ ĐT 101: QL 16 - Xuân Nha- QL 6 - Vân Hồ - Quang Minh;

+ ĐT 101B: QL 43 - Phiêng Luông - Vân Hồ - Chiềng Yên;

+ ĐT 101C: ĐT 101 - Tô Múa - Song Khùa - Liên Hòa;

+ ĐT 102: QL 43 - Mường Sang- Chiềng Khừa- Chiềng Khương- Lóng Phiêng;

+ ĐT 103: QL 6- Chiềng Sàng - Chiềng On;

+ ĐT 104: QL 43 - Thị trấn Nông trường - Tân Hợp - Chiềng Sại (huyện Bắc Yên) - ĐT 120;

+ ĐT 108: QL 6 - Thị trấn Thuận Châu - Co Mạ - Mường Bám;

+ ĐT 108B: ĐT 108 - Co Mạ - Bó Sinh (huyện Sông Mã);

- + ĐT 110: QL 6 - Hát Lót - Mường Bú (*huyện Mường La*) - QL 279D;
- + ĐT 110B: ĐT 110 - Nà Bó- Tà Hộc;
- + ĐT 110C: ĐT 110 - Hát Lót - Chiềng Sung;
- + ĐT 116: QL 279D - Mường Bú (*huyện Mường La*) - Chiềng Khoang;
- + ĐT 116B: QL 6B - Tông Cọ - Bó Mươi - Liệp Tè;
- + ĐT 117: QL 4G - Mường Chanh - Chiềng Bôm - Mường É;
- + ĐT 117B: QL6 - Hua La- Mường Chanh- ĐT 117;
- + ĐT 117C: QL 6 - Muối Nọi - Nậm Lâu - Nậm Ty (*huyện Sông Mã*) - ĐT 113;
- + ĐT 118: QL 279D - Chiềng Xôm - Chiềng Ngần - Mường Bằng - Nà Bó - ĐT 113;
- + ĐT 119: QL 6 – Phông Lái - Mường Giàng (*huyện Quỳnh Nhai*) - QL 279;
- + ĐT 120: QL 6 - Chiềng Đông - Phiêng Côn (*huyện Bắc Yên*) - Chiềng Sại (*huyện Bắc Yên*);
- + ĐT 121: QL 4G - Chiềng Mai - Khu Công nghiệp Mai Sơn.

- Nâng cấp, bổ sung các tuyến nhánh để kết nối giao thông đối nội, đối ngoại cho toàn vùng.

- Giao thông công cộng: Xây dựng mới 01 bến xe loại 1 tại phía Nam thành phố Sơn La, 01 bến xe loại 2 tại đô thị Mộc Châu, bổ sung các bến xe từ loại 3 đến loại 6, các trạm và điểm dừng nghỉ dọc QL6 để phục vụ nhu cầu tại các huyện, thành phố.

b) *Đường thủy*: Xây dựng các bến thủy nội địa thuộc phạm vi lòng hồ Thủy điện Sơn La (*tại địa bàn huyện Thuận Châu*) và phạm vi lòng hồ Thủy điện Hòa Bình (*tại địa bàn các huyện Mai Sơn, Mộc Châu và Vân Hồ*).

c) *Đường hàng không*: Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng sân bay Nà Sản là sân bay lưỡng dụng (*dân dụng và quân sự*), sân bay nội địa cấp 4C. Công suất vận chuyển khách đạt khoảng 1.000.000 hành khách/năm.

5.3. Cấp nước

- Nguồn cấp nước trên địa bàn theo phương án phi tập trung, sử dụng nguồn hỗn hợp, gồm: nước mặt, nước mố, nước ngầm...

- Đến năm 2030, tổng nhu cầu sử dụng nước khoảng 134.635 m³/ngđ, trong đó: Cấp nước đô thị: khoảng 66.341 m³/ngđ, chiếm 49,3%; cấp nước nông thôn: khoảng 54.422 m³/ngđ, chiếm 40,4%; cấp nước khu, cụm công nghiệp: khoảng 13.871 m³/ngđ, chiếm 10,3%.

- Mạng lưới cấp nước: Về lâu dài, nâng cấp các nhà máy, hệ thống cấp nước hiện hữu, xây dựng các nhà máy cấp nước mới để khai thác các nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm trong khu vực quy hoạch.

5.4. Cấp điện

- Nguồn cấp: lưới Quốc gia qua các trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV hiện hữu và dự kiến.

- Nhu cầu sử dụng điện: Tổng công suất điện yêu cầu trong toàn vùng đến năm 2025: là khoảng 222 MVA; đến năm 2030 là khoảng 500 MVA.

5.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang

a) Thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu xử lý nước thải đến năm 2030 khoảng 88.663 m³/ngđ, trong đó: Xử lý nước thải đô thị: khoảng 48.892 m³/ngđ (55,8%), xử lý nước thải công nghiệp: khoảng 11.290 m³/ngđ (12,9%), xử lý nước thải nông thôn: khoảng 27.480 m³/ngđ (31,3%).

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, có trạm xử lý cho các đô thị, khu vực xây dựng mới, các khu, cụm công nghiệp. Trong giai đoạn đầu tập trung xây dựng hệ thống công thoát nước thải và trạm xử lý nước thải cho các đô thị và các khu, cụm công nghiệp.

- Các cụm dân cư nông thôn tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải). Xử lý nước thải bằng phương pháp tự làm sạch tại các hồ sinh học.

b) Quản lý chất thải rắn:

Tổng nhu cầu xử lý CTR đến năm 2030 là khoảng 836 tấn/ngđ, trong đó: Xử lý CTR đô thị: khoảng 276,2 tấn/ngđ (33,1%), xử lý CTR công nghiệp: khoảng 193,4 tấn/ngđ (23,1%), xử lý CTR nông thôn: khoảng 366,4 tấn/ngđ (43,8%).

c) Nghĩa trang:

- Nâng cấp các nghĩa trang hiện hữu, đề xuất đóng cửa dừng khai thác các điểm nghĩa trang, nghĩa địa không đảm bảo khoảng cách VSMT.

- Xây dựng nghĩa trang tại thành phố Sơn La (xã Chiềng Ngần), huyện Mai Sơn (tiểu khu 3/2, xã Cò Nòi), huyện Thuận Châu (xã Chiềng Bôm), huyện Yên Châu (bản Nghè, xã Sập Vạt), huyện Mộc Châu (bản Là Ngà 2, xã Mường Sang), huyện Vân Hồ (xã Lóng Luông).

- Xây dựng các nhà tang lễ tại đô thị đảm bảo theo quy định.